

Số: /KH-UBND

Vĩnh Thuận, ngày

tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai tổ chức thực hiện Mã số vùng trồng trên địa bàn xã Vĩnh Thuận năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về triển khai tổ chức thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 124/KH-SNNMT ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang về triển khai tổ chức thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 966/KH-CCTTBVTV ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi cục Trồng trọt Bảo vệ thực vật tỉnh An Giang về triển khai tổ chức thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận về triển khai tổ chức thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn xã Vĩnh Thuận giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng trên địa bàn xã Vĩnh Thuận năm 2026.

II. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác thiết lập, cấp và quản lý mã số vùng trồng trên địa bàn xã; tăng cường kiểm soát quy trình sản xuất, sử dụng vật tư nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc và đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá, kiểm soát vật tư đầu vào, quản lý sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật tại các vùng trồng. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người sản xuất, doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã trong việc tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn chất lượng nông sản phục vụ liên kết tiêu thụ trong nước, xuất khẩu, kiểm dịch thực vật quốc tế và truy xuất nguồn gốc.

- Tổ chức xây dựng, quản lý và duy trì mã số vùng trồng đối với các vùng sản xuất lúa tham gia Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa

chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”, góp phần nâng cao giá trị sản xuất, tăng khả năng liên kết tiêu thụ và đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước, xuất khẩu.

- Thực hiện cấp mã số vùng trồng để thực hiện tiêu chí 3.2 theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Tổ chức lại sản xuất tại các vùng trồng theo hướng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, truy xuất nguồn gốc nông sản phục vụ thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Năm 2026, tập trung duy trì, thiết lập và cấp mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn xã Vĩnh Thuận đúng quy định và theo nhu cầu của các tổ chức, cá nhân, cụ thể;

- Phấn đấu 100% diện tích lúa tham gia Đề án phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp trên địa bàn xã được thiết lập, quản lý và duy trì mã số vùng trồng với tổng diện tích là 860 ha.

- 100% hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng mã số vùng trồng được tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các quy định về thiết lập, quản lý, sử dụng mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- 100% vùng trồng được cập nhật, lưu trữ đầy đủ thông tin về diện tích, sản lượng, quy trình canh tác, tình hình dịch hại, sử dụng vật tư nông nghiệp và các nội dung liên quan phục vụ công tác quản lý.

- Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh An Giang tổ chức ít nhất 01 lớp tuyên truyền, tập huấn về mã số vùng trồng, ghi chép nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc và các quy định liên quan cho cán bộ phụ trách, hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân tham gia sản xuất.

- Tăng cường liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành vùng nguyên liệu tập trung đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp thu mua và thị trường xuất khẩu.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật về mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và các quy định chuyên ngành trong lĩnh vực trồng trọt.

- Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chức kiểm tra, đánh giá thực địa; thực hiện cấp, quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, bảo đảm đúng quy định tại Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 Nghị định của Chính phủ về việc Quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

- Tăng cường phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, cấp, quản lý mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn xã.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai tuyên truyền, hướng dẫn, cấp mã số, quản lý mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn xã.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện cấp mới mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói

1.1. Công tác kiểm tra cấp mới mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói

- Đối với sản xuất lúa tổng diện tích cấp mã số vùng trồng là 860 ha,

- Các vùng trồng, cơ sở đóng gói đề nghị cấp mã số phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 Nghị định của Chính phủ.

Hướng dẫn các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và người dân thực hiện ghi chép nhật ký sản xuất, quản lý vật tư đầu vào, tình hình sinh vật gây hại, sản lượng thu hoạch và các nội dung liên quan theo quy định.

1.2. Công tác kiểm tra về yêu cầu kỹ thuật đối với mã số đã cấp

- Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra về yêu cầu kỹ thuật đối với các vùng trồng, cơ sở đóng gói đã được cấp mã số theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo yêu cầu quản lý. Được quy định tại Điều 10, Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 ngày 01 tháng 2026 Nghị định của Chính phủ:

- + Đối với mã số vùng trồng: Quy định về diện tích, quy trình sản xuất, hồ sơ ghi chép và lưu trữ các thông tin, việc tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu (nếu có).

- + Đối với cơ sở đóng gói: Quy định về địa điểm, quy mô diện tích, nhà xưởng, trang thiết bị, quy trình đóng gói, biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại, hồ sơ ghi chép và lưu trữ các thông tin, việc tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu (nếu có).

2. Công tác tập huấn tuyên truyền về mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói

- Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện zalo, facebook, trang thông tin điện tử của xã và trên các loa truyền thanh của xã khi được lắp đặt....., các cuộc họp dân, sinh hoạt tổ hợp tác, họp tác xã về vai trò, ý nghĩa và các quy định liên quan đến mã số vùng trồng.

- Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ phụ trách, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết và nông dân về quy trình thiết lập, quản lý, sử dụng mã số vùng trồng; truy xuất

nguồn gốc; ghi chép nhật ký sản xuất; quản lý sinh vật gây hại; sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn, hiệu quả.

- Lòng ghép nội dung tuyên truyền về mã số vùng trồng với các chương trình, dự án sản xuất nông nghiệp, Đề án 01 triệu ha lúa chất lượng cao và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3. Xây dựng cơ sở dữ liệu về mã số vùng trồng

- Thực hiện rà soát, thống kê, cập nhật đầy đủ các thông tin về vùng trồng trên địa bàn xã theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên.

- Phối hợp cập nhật dữ liệu về diện tích, sản lượng, tổ chức sản xuất, nhật ký canh tác, tình hình dịch hại và các thông tin liên quan vào hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý mã số vùng trồng.

- Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công tác nhập liệu để quản lý vùng trồng và cơ sở đóng gói trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng.

- Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện cập nhật thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói đã được cấp theo hướng dẫn của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

4. Thực hiện rà soát, thiết lập hồ sơ đề nghị cấp mới mã số vùng trồng

- Rà soát các vùng sản xuất lúa tham gia Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn xã để xây dựng kế hoạch thiết lập, cấp mới và duy trì mã số vùng trồng theo quy định.

- Tổ chức hướng dẫn các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết và người dân thực hiện các điều kiện, tiêu chí về mã số vùng trồng; hỗ trợ xây dựng hồ sơ đề nghị cấp mã số vùng trồng theo quy định.

- Phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh trong quá trình khảo sát, kiểm tra thực địa, thẩm định hồ sơ, xác nhận thông tin vùng trồng phục vụ công tác cấp mã số vùng trồng.

- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, bảo đảm điều kiện về diện tích, sản xuất đồng bộ, áp dụng quy trình canh tác tiên tiến, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

5. Công tác tự giám sát vùng trồng

- *Về tần suất và quy trình:* Tổ chức triển khai, hướng dẫn chi tiết cho các tổ chức, cá nhân và đại diện vùng trồng đã được cấp MSVT thực hiện nghiêm túc quy trình tự kiểm tra, giám sát. Đảm bảo việc tự giám sát phải được thực hiện bắt buộc trước mỗi vụ thu hoạch đối với các vùng trồng.

- *Về nội dung và thiết lập hồ sơ:* Hỗ trợ trực tiếp người đại diện MSVT nắm vững quy trình, biết cách ghi chép các tờ khai và lập Biên bản tự giám sát vùng trồng đúng quy chuẩn. Nội dung hướng dẫn giám sát trọng tâm bao gồm: ghi chép nhật ký canh tác đầy đủ; quản lý chặt chẽ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; thực hiện các biện pháp quản lý sinh vật gây hại và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- *Về lưu trữ và chế độ báo cáo:* Yêu cầu các chủ vùng trồng phải lưu trữ toàn bộ hồ sơ, nhật ký và minh chứng giám sát tại cơ sở để phục vụ công tác kiểm tra, truy xuất nguồn gốc của cơ quan quản lý. Đồng thời, đôn đốc người đại diện hoàn thiện báo cáo kết quả tự giám sát định kỳ năm 2026, gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh đúng thời gian quy định. (và gửi về Trung tâm dịch vụ tổng hợp).

III. THỜI GIAN, KINH PHÍ VÀ KẾT QUẢ

1. Thời gian thực hiện: Thực hiện trong năm 2026.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện kế hoạch được lồng ghép từ các nguồn kinh phí thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nguồn ngân sách nhà nước được giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

3. Kết quả: Diện tích tham gia vùng trồng năm 2026 phải đạt 860 ha.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

- Chủ động khâu tổ chức, bố trí địa điểm và lập dự trù kinh phí. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân xã.

- Chủ động rà soát danh sách, liên hệ trực tiếp với các vùng trồng đã được cấp mã số để thông báo kế hoạch.

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu hồ sơ mang xuống địa bàn. Bám sát cơ sở, trực tiếp hướng dẫn, định vị GPS và hỗ trợ chủ thể hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong khâu giấy tờ cho người dân. Chịu trách nhiệm tổng hợp, đảm bảo 100% hồ sơ chuyển đổi MSVT của xã được hoàn tất và gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh An Giang tháng 9/2026 (đối với làm hồ sơ cấp mới) tuyệt đối không để xảy ra tình trạng trễ hạn.

- Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật gắn với việc thực hiện các yêu cầu về mã số vùng trồng.

- Tham gia kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện của mã số vùng trồng; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Phòng Kinh tế

- Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND xã triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên, các hợp tác xã, tổ hợp tác và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cấp, quản lý và duy trì mã số vùng trồng trên địa bàn.

- Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu UBND xã báo cáo theo quy định.

3. Viên chức Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang tăng cường tại xã Vĩnh Thuận

- Hỗ trợ UBND xã và Phòng Kinh tế xã trong việc triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến xây dựng, quản lý và duy trì mã số vùng trồng trên địa bàn.

- Hướng dẫn kỹ thuật cho các hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân trong việc tổ chức sản xuất theo quy trình đáp ứng yêu cầu cấp và duy trì mã số vùng trồng.

- Hỗ trợ xây dựng hồ sơ thiết lập mã số vùng trồng; hướng dẫn ghi chép nhật ký sản xuất, quản lý sinh vật gây hại, truy xuất nguồn gốc và các nội dung kỹ thuật theo quy định.

- Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp gắn với Đề án phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp.

- Tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về mã số vùng trồng tại các hợp tác xã, tổ hợp tác và vùng sản xuất trên địa bàn; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và duy trì mã số vùng trồng.

4. Trưởng ấp các ấp

- Công tác tuyên truyền, vận động: Thông báo rộng rãi nội dung Kế hoạch này trên các phương tiện truyền thanh của ấp và trong các buổi họp dân. Đẩy mạnh tuyên truyền để bà con nông dân hiểu rõ tầm quan trọng của mã số vùng trồng, từ đó tự giác phối hợp thực hiện tự giám sát và chuyển đổi mã số.

- Công tác phối hợp, hỗ trợ: Phối hợp chặt chẽ với viên chức của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trong quá trình xuống thực địa. Hỗ trợ liên hệ, kết nối và dẫn đường đến tận các vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn ấp để công tác hướng dẫn, kiểm tra và định vị GPS diễn ra thuận lợi, nhanh chóng.

- nắm bắt tình hình cơ sở: Thường xuyên theo dõi, lắng nghe ý kiến của người dân; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thiết lập hồ sơ về Trung tâm Dịch vụ tổng hợp để có phương án tháo gỡ kịp thời.

5. Đối với Người đại diện vùng trồng, cơ sở đóng gói

- Đề nghị các chủ mã số vùng trồng đã được cấp mã nội địa nộp lại bộ hồ sơ mới trong đó có rà soát mở rộng thêm diện tích, gắn với Tổ hợp tác hoặc Hợp tác xã, diện tích tối thiểu là 50ha/ vùng trồng

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức của Trung tâm khi xuống làm việc, đo đạc tại thực địa.

- Chủ động chuẩn bị đầy đủ các thông tin, giấy tờ minh chứng, sổ tay ghi chép nhật ký canh tác thực tế.

- Nghiêm túc thực hiện các thủ tục tự giám sát, đăng ký chuyển đổi hoặc cấp mới mã số đúng quy trình và thời gian quy định theo sự hướng dẫn của cán bộ phụ trách.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Các hợp tác xã, tổ hợp tác và đơn vị có liên quan định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện về UBND xã (*qua Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã*) để tổng hợp, báo cáo cơ quan chuyên môn cấp trên theo quy định.

- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch định kỳ 06 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh và các cơ quan có liên quan.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai tổ chức thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng trên địa bàn xã Vĩnh Thuận 2026 của UBND xã Vĩnh Thuận./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và MT tỉnh;
- Chi cục TT và BVTV tỉnh;
- CT và các PCT UBND xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp;
- Phòng Kinh tế;
- LĐVP, CVNC;
- Trưởng các ấp;
- Chủ sở hữu MSVT;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Trung